

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: 2340/NĐĐT-KHVT

V/v báo giá Cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa, bảo
dưỡng - Số hiệu 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán *Cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng - Số hiệu 06*. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: *Đông Sơn, phường Bình Khê, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 17/7/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 2340 /NĐĐT-KHVT ngày 10 / 7 /2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Puly	Kích thước đường kính trong: phi 60; kích thước đường kính ngoài: 187mm; độ dày: 101mm; rãnh lắp then (cá): rộng 17mm; dày 12mm; dài 100mm; số rãnh lắp dây curoa 5 rãnh (lắp cho loại dây curoa PHG SPB 2500)		Cái	01				
2	Puly	Kích thước đường kính trong: phi 60; kích thước đường kính ngoài: 187mm; độ dày: 101mm; rãnh lắp then (cá): rộng 17mm; dày 12mm; dài 100mm; số rãnh lắp dây curoa 5 rãnh (lắp cho loại dây curoa PHG SPB 3450)		Cái	01				
3	Vành đỡ van ba ngã đá vôi	Kích thước: Φ430xΦ312x36mm (Chi tiết theo bản vẽ MK-ĐV-08-01 đính kèm)		Cái	02				
4	Kính thăm dầu	Kính thăm dầu kiểu bulong; kích thước: M20x15, bước ren 1.5, vật liệu nhựa mica trong suốt		Cái	13				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
5	Cánh quạt làm mát	Kích thước: Đường kính lỗ trục: 52mm; đường kính cánh quạt: 240mm; độ dày cánh quạt: 49mm; độ rộng rãnh then: 13mm; độ sâu rãnh then: 4,5mm; vật liệu: nhựa PP		Cái	02				
6	Cánh quạt hút khói bể dầu tubin 2B	Đường kính trục 28mm; chiều dài 63mm; rãnh then 8mmx4mm; Quạt dày 57x440mm; chất liệu nhôm 12 cánh; độ dày cánh trên 4mm; độ dày cánh dưới 2,5mm; Mặt bích giữ cánh: đường kính ngoài 160mm; đường kính trong 60mm; độ dày 15mm, trục 12mm; lỗ hút Φ165, 4 Lỗ bu lông bắt mặt bích 90mm; vật liệu: SUS304		Cái	01				
7	Cánh quạt làm mát động cơ	Kích thước: Đường kính trong: 43mm; đường kính ngoài: 180mm, vật liệu: nhựa PP (6-8 cánh)		Cái	01				
8	Cánh quạt làm mát động cơ	Kích thước: Đường kính lỗ trục 43mm, đường kính cánh quạt 245mm, vật liệu: nhựa PP (6-8 cánh)		Cái	01				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
9	Bánh xe inox 304	Kích thước: Ø100x32mm; chiều cao 130mm, có khóa bánh		Bộ	04				
10	Bơm định lượng HCL	Mã hiệu: DFS-03-07-LM; Lưu lượng 3L/h; Áp suất 7 Bar; Công suất 30W (kèm theo phụ kiện) của nhà sản xuất NEWDOSE		Cái	01				(**)
11	Ống nén khí	Kích thước: Ø6mm, vật liệu: PE, chịu áp lực > 7 bar		M	03				
12	Giắc co	Giắc co đầu thu ren 21 xuống ống Ø6mm; vật liệu: nhựa PE		Cái	04				
13	Tấm lọc khí	Kích thước: 1000x2000x10mm; vật liệu: PU polyurethane		Tấm	01				
14	Máy bơm nước	Mã hiệu: WB30XT; bao gồm động cơ (thông số: động cơ xăng Honda GX160; công suất: 3.6kW/36000rpm; lưu lượng tối đa: 1100 lít/phút; tổng cột áp: 28m; cột áp hút tối đa: 8m) của nhà sản xuất Honda		Cái	01				(**)
15	Súng bắn nhiệt độ Extech	Kiểu: 42515; Phạm vi nhiệt độ IR: -58 đến 1472°F (-50 đến		Cái	02				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		800°C); Nhiệt độ kiểu K: -58 đến 2498°F (-50 đến 1370°C)							
16	Ống nước nhựa mềm	Kích thước: Ø21mm; 50m/cuộn		Cuộn	02				
17	Thang nhôm rút đơn	Mã hiệu: R54; Chiều cao tối đa: 5,4m; Chiều cao thu gọn: 0,95m; Số bậc thang: 15 bậc; Độ dày nhôm: 1,3-1,5mm; Trọng lượng thang: 14,5 kg; Tải trọng: 150kg; Hệ nhôm hợp kim nhôm 6063; Màu sắc nhôm trắng của nhà sản xuất NIKITA		Cái	02				(**)
18	Xe thang di động 2m	Chất liệu: Sơn tĩnh điện chống rỉ; Số bậc thang: 8 bậc; Kích thước bậc thang: 250x500mm (chiều cao x chiều rộng); Tải trọng tối đa: 150kg; Đường kính bánh xe: 100mm, có khóa phanh; Chiều rộng tổng thể: 600mm; Chiều sâu thang: 1000mm; Trọng lượng thang: 30kg-40kg; Lớp phủ chống trượt; Bậc thang có lớp phủ chống trượt; Có tay vịn hai		Cái	02				

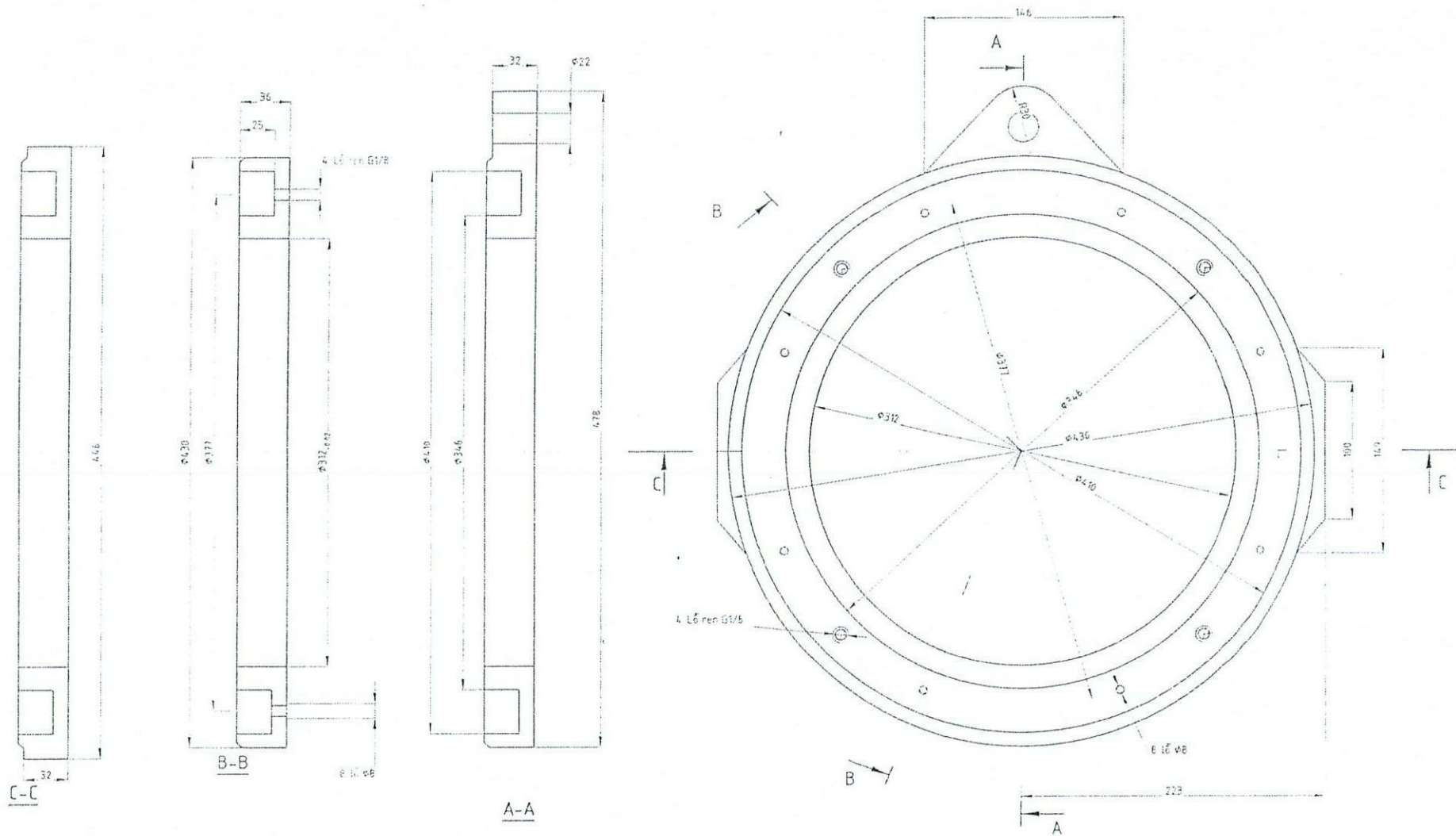
STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		bên, cao khoảng 700mm; Bánh xe có khóa phanh để cố định thang							
19	Tủ điện sơn tĩnh điện	Kích thước: W1100xH1450xD250x1.2mm (2 cánh có sẵn khóa nắm cửa); vật liệu: SUS304		Cái	01				
20	Khớp nối mềm sàng rung	Vải bạt 3 lớp silicon 0,3x12m		Cuộn	01				
21	Tủ điện	Kích thước: 170x260x120mm; dày 1,5mm; vật liệu: SUS304		Cái	01				
22	Phao quây dầu	Kích thước: 200x6000mm; Khả năng thấm hút: >288/box (>144L/PC)		Cuộn	10				
23	Khóa cửa chống cháy	Mã hiệu: MC12 của nhà sản xuất JEP		Bộ	03				(**)
24	Bu lông	Bu lông + long đen + ê cu cấp bền 8.8; M27x150; Ren suốt		Bộ	50				
25	Gioăng amiang	Gioăng amiang 3mm Khổ rộng 1,2m; dày 3mm; vật liệu: Amiang		Kg	15				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)								
	Bảng chữ:								

Ghi chú:

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.



Đơn vị: mm.
 2. Áp dụng tập dụng vẽ: TCVN 263-2000-m.

Hệ thống xử lý đá vôi					CÔNG TY NHẬT ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ PHÒNG KỸ THUẬT AN TOÀN		
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày	VÀNH ĐỒ VAN BA NGÁ ĐÁ VÔI	Số. Lg	K. Lượng	Tỉ lệ
Thiết kế	Ng. H.V. Long	<i>[Signature]</i>			01		1:2
TP. KTAT	Ng. Đức. Hậu	<i>[Signature]</i>					
P. GD	Ng. Văn. Kỳ	<i>[Signature]</i>		VL: Thép C45	CƠ MẪU BỐ VẼ MK-ĐV-08-01		